

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 140/2021/DS-ST

Ngày 28 – 6 – 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mỹ Hương

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2021/TLST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 369/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV TQM

Địa chỉ: Số C, ấp B, xã LV, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn L – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV TQM.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị L1, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số C, ấp B, xã LV, thành phố C, tỉnh Cà Mau, theo Giấy ủy quyền ngày 01/02/2021. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1973; (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Số A, đường LT, khóm X, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, đại diện nguyên đơn chị Trần Thị L1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Ngày 12/8/2020, Công ty TNHH MTV TQM (gọi tắt là công ty TQM) với bà Huỳnh Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn T có ký hợp đồng mua bán thức ăn tôm. Theo nội dung hợp đồng Công ty TQM bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng ông T, bà H đặt hàng. Công ty TQM đã giao hàng cho ông T, bà H tổng số lượng 1.200 kg, đơn giá tùy theo sản phẩm. Thời hạn thanh toán là đến cuối vụ vào tháng 10/2020 ông T, bà H phải thanh toán hết công nợ cho Công ty TQM. Ngoài ra, giữa các đợt giao hàng ông T và bà H có trả trước cho Công ty TQM khoản tiền hàng nhưng Công ty TQM không xác định được cụ thể số tiền bao nhiêu, chỉ căn cứ xác nhận của khách hàng tại các bảng đối chiếu công nợ. Theo bảng đối chiếu công nợ tháng 10/2020 ông T, bà H còn nợ Công ty TQM 125.542.000 đồng.

Đối với phần chiết khấu các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không thỏa thuận trong hợp đồng. Các bên thỏa thuận chiết khấu chỉ được thanh toán khi ông T, bà H thực hiện đúng hợp đồng, khi nào thanh toán xong nợ thì Công ty TQM thanh toán phần chiết khấu cho ông T, bà H. Tuy nhiên do ông T, bà H đã vi phạm hợp đồng nên không được chiết khấu. Nguyên đơn không đồng ý thanh toán phần chiết khấu cho ông T và bà H.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 125.542.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 30/10/2020 đến ngày 15/4/2021 là 5.729.000 đồng, tổng cộng là 131.271.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng 125.542.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày trong quá trình giải quyết như sau:

Ngày 12/8/2020, ông và bà H có ký hợp đồng mua bán thức ăn tôm với Công ty TQM. Theo nội dung hợp đồng Công ty TQM bán thức ăn nuôi tôm theo số lượng vợ chồng ông đặt hàng. Thời hạn thanh toán đến cuối vụ tháng 10/2020. Theo bảng đối chiếu công nợ tháng 10/2020 ông và bà H còn nợ Công ty TQM 125.542.000 đồng đúng như trình bày của đại diện nguyên đơn. Ngoài ra, khi hợp đồng các bên thỏa thuận chiết khấu 5.000.000đ/1 tấn thức ăn (1 tấn thức ăn có giá 36.000.000 đồng), ông yêu cầu nguyên đơn thanh toán phần chiết khấu này. Đối với khoản lãi chậm trả nguyên đơn yêu cầu, ông không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho bà H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà H vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà H và ông T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng, vào ngày 12/8/2020, giữa nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng mua bán thức ăn tôm. Quá trình mua bán, nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn tổng số lượng 1.200 kg. Thời hạn thanh toán là đến cuối vụ vào tháng 10/2020. Ngoài ra, giữa các đợt giao hàng bị đơn có trả trước cho nguyên đơn khoản tiền hàng nhưng nguyên đơn không xác định được cụ thể số tiền bao nhiêu, chỉ căn cứ xác nhận của khách hàng tại các bảng đối chiếu công nợ. Để chứng minh cho yêu cầu, lời trình bày của mình nguyên đơn cung cấp 02 bảng đối chiếu công nợ tháng 8 và tháng 10/2020. Tại bảng đối chiếu công nợ tháng 10/2020 thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn 125.542.000 đồng. Ông T thừa nhận việc hợp đồng mua bán, nội dung hợp đồng đúng như đại diện nguyên đơn trình bày, thừa nhận công nợ đã đối chiếu đến tháng 10/2020, ông và bà H còn nợ nguyên đơn 125.542.000 đồng và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên, không đồng ý trả khoản lãi chậm trả. Bà H không có ý kiến nên không xem xét. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng 125.542.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng 125.542.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán: Xét thấy hợp đồng mua bán do bà H và ông T trực tiếp ký kết, giao dịch mua bán, công nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, buộc ông T và bà H cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Đối với khoản tiền chiết khấu: Ông T có yêu cầu nguyên đơn thanh toán khoản chiết khấu 5.000.000đ/1 tấn thức ăn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông T và bà H không nộp đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 288, 430, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV TQM, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H thanh toán tiền hàng trong hợp đồng mua bán.

Buộc Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty TNHH MTV TQM số tiền 125.542.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH MTV TQM có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H không thanh toán xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H phải nộp 6.277.000 đồng (chưa nộp), nguyên đơn không phải nộp án phí. Ngày 11/3/2021, nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.165.000 đồng tại biên lai số 0000757 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại toàn bộ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

